

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HT
TỈNH HT**

Bản án số: 36 /HNGĐ-ST
Ngày: 08/7/2020
V/v Ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH HT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Quang Truyền;**
2. Bà **Lê Ngọc Trâm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh HT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh HT tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Tr**, sinh năm 1989 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 8/3B, ấp Long hải, xã TrT, thị xã HT, tỉnh HT.
2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Thế Đ**, sinh năm 1985 – (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: Số 88, Đ Phạm Hùng, thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh HT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 02 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Chị và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2012, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, kinh tế khó khăn, anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2017 đến nay, chị

Tr nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Thế T. sinh ngày 07/02/2013 đang sống chung với chị Tr.

Về tài sản chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại bản tự khai của bị đơn – anh Phạm Thế Đ trình bày, thể hiện như sau:

Anh và chị Tr sống chung năm 2012 có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh Đ còn thương vợ con nên anh xin đoàn tụ không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Phạm Thế T. sinh ngày 07/02/2013 đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, nếu con theo ai thì người đó nuôi, người còn lại có nghĩa vụ cấp dưỡng theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh HT phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Chị Tr, anh Đ có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử T. hành xét xử vắng mặt anh chị Tr, anh Đ là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị Tr và anh Đ không đạt được. Chị Tr yêu cầu ly hôn, anh Đ không đồng ý ly hôn nhưng không đến Tòa án để giải quyết. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr.

Về con chung : Có 01 con tên Phạm Thế T. sinh ngày 07/02/2013 đang sống ổn định với chị Tr. Qua làm việc cháu T. có nguyện vọng sống chung với mẹ nên giao cháu T. cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý.

Về tài sản chung và nợ chung, chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thu thập chứng cứ cho đến khi xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Tr và bị đơn là anh Phạm Thế Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với chị Tr, anh Đ là đúng với quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Tr và anh Phạm Thế Đ chung sống với nhau từ năm 2012, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2012 tại UBND thị trấn HT (nay là phường LH, thị xã HT), tỉnh HT. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Tr thấy rằng: Chị Tr và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2012 đến năm 2017 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính tình, kinh tế gia đình khó khăn, anh Đ sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không gặp nhau để bàn bạc việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh Đ xin đoàn tụ nhưng không đến Tòa án để giải quyết chứng tỏ anh Đ không có thiện chí. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị Tr và anh Đ không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ theo quy định tại **Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Phạm Thế T. sinh ngày 07/02/2013 đang sống chung với chị Tr. Khi ly hôn anh Đ yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Qua làm việc cháu T. có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu T. cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ. Ghi nhận chị Tr không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, chị Tr là nguyên đơn, do đó, chị Tr phải chịu án phí theo quy định.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh HT là có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tr đối với anh Phạm Thế Đ.

Chị Nguyễn Thị Tr được ly hôn với anh Phạm Thế Đ

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thế T. sinh ngày 07/02/2013 cho chị Tr tiếp tục trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Tr không yêu cầu anh Phạm Thế Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Thế Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tr, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chi Tr phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chi Tr đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008517 ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT (nay là thị xã HT), tỉnh HT. Ghi nhận chi Tr đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh HT trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HT;
- VKSND tỉnh HT;
- VKSND thị xã HT;
- Chi cục THADS thị xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

HUỲNH THỊ NGỌC HẠNH